TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 641/2026/DS-PT
Ngày: 25/8/2026
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Công Sự

Bà Thái Thị Thanh Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Nai

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 532/2026/TLPT-DS ngày 17/7/2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2026/DS-ST ngày 19/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11- Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 609/2026/QĐ-PT ngày 22/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 689/2026/QĐ-PT ngày 11/8/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Văn T, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Thôn A, xã B, thành phố Đồng Nai

Người đại diện theo uỷ quyền (theo văn bản uỷ quyền ngày 11/3/2026): Ông Hoàng Quốc T, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Thôn C, xã D, thành phố Đồng Nai

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Thôn E, xã F, thành phố Đồng Nai

Người đại diện theo uỷ quyền (theo văn bản uỷ quyền ngày 21/8/2026): Ông Nguyễn Duy P, sinh năm 1997;

Địa chỉ: đường G, phường H, thành phố Hồ Chí Minh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Thôn Thôn I, xã B, thành phố Đồng Nai

3.2 Bà Huỳnh Thị Kiều T, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Thôn I, xã B, thành phố Đồng Nai

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1992

(Ông T, ông P, ông P có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Mai Văn T trình bày:*

Do ông T và ông P là chỗ quen biết nên ngày 08/6/2018 ông T có cho ông P vay số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), giữa ông T và ông P có làm "Giấy nhận tiền" do ông P viết và ký tên xác nhận. Lãi suất thỏa thuận là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) trên tổng số tiền vay này nhưng không ghi vào giấy này mà chỉ thỏa thuận miệng bên ngoài. Thời gian vay ông T thỏa thuận miệng với ông P là khi nào ông T cần thì thông báo trước cho ông P 15 ngày thì ông P sẽ trả cho ông T cả gốc và lãi suất. Tuy nhiên, đến 10/9/2023 ông T cần tiền để làm ăn ông T có yêu cầu ông P trả cho ông T tiền gốc và lãi suất rất nhiều lần nhưng ông P trây ì không trả và hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện.

Vì vậy, nay ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hoàng P phải trả cho ông Mai Văn T số tiền gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và lãi suất 1% tháng của tổng số tiền đã vay từ ngày 08/6/2018 đến nay.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hoàng P trình bày:*

Ông không đồng ý với lời trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn T vì ông không vay tiền và cũng không nhận tiền của ông T. "Giấy nhận tiền" ngày 08/6/2018 là do ông ghi và ký tên nhưng là do ông viết giùm ông Nguyễn Đức M để ông M vay tiền của ông T. Giữa ông và ông M là chỗ bạn bè nên ông có vay của ông M nhiều lần tiền nhưng không làm giấy tờ vay

mượn gì nhưng vay xong lại trả và số tiền ông còn nợ của ông M là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) nhưng ông đã trả cho ông M nhiều lần tổng cộng là 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*), số tiền ông còn nợ lại của ông M là 52.000.000 đồng (*Năm mươi hai triệu đồng*).

Vì vậy, nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T ông không đồng ý và đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai VănT.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên qun ông Nguyễn Đức M trình bày:*

Ông M thống nhất với lời trình bày của ông T và lời trình bày của ông P là không đúng vì ngày 08/6/2018 tại quán cà phê thuộc gần khu chợ xã J chúng tôi gồm có tôi, ông T và ông P. Ông P viết "Giấy nhận tiền" và ký tên và ông T đưa cho ông P số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Ông và ông T là chỗ bạn bè nếu ông muốn vay tiền của ông T thì ông là người trực tiếp đứng ra vay chứ không cần ông P phải là người vay giùm ông. Đối với bản ghi âm ông P cung cấp cho Tòa án đúng là giọng nói của ông nhưng đó là khoản vay giữa ông với ông P như lời ông P trình bày là giữa chúng tôi có vay tiền của nhau nhiều lần nhưng vay xong lại trả nhưng không làm giấy tờ gì và file ghi âm này không biết là của khoản tiền nào nhưng không phải là đang nói về khoản tiền ông P vay của ông T. Trong vụ án này ông không có ý kiến hay yêu cầu gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2026/DS-ST ngày 19/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11- Đồng Nai đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn T.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng P có trách nhiệm phải trả cho nguyên đơn ông Mai Văn T số tiền gốc còn lại là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và lãi suất là 79.472.000 đồng (*Bảy mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn đồng*). Tổng cộng bị đơn ông Nguyễn Hoàng P phải có nghĩa vụ trả cho ông Mai Văn T cả tiền gốc và lãi suất là 179.472.000 đồng (*Một trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 01/6/2026 ông Nguyễn Hoàng P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn T.

** Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

- Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định và đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về đường lối giải quyết: Tại phiên phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi suất tại cấp sơ thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; Sửa bản án Dân sự sơ thẩm 34/2026/DS-ST ngày 19/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11- Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng P được làm trong thời hạn và đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, đương sự trong vụ án, quan hệ pháp luật: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng thẩm quyền, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng của đương sự trong vụ án đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: Nguyên đơn ông Mai Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hoàng P phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc cho ông T là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và lãi suất 1% tháng tính từ ngày 08/6/2018 cho đến nay. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn cung cấp *"Giấy nhận tiền"* ngày 08/6/2018.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng P thừa nhận *"Giấy nhận tiền"* ngày 08/6/2018 là do ông P ghi và ký tên xác nhận ngày 08/6/2018 ông P có vay của ông T số tiền là 100.000.000 đồng nhưng thực tế số tiền này là ông M vay của ông T và ông P là người ghi giùm cho ông M. Ông P thừa nhận có vay của ông M số tiền 100.000.000 đồng và ông P đã trả cho ông M nhiều lần tổng số tiền là 48.000.000 đồng và còn nợ số tiền là 52.000.000 đồng. Ông P không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Về số tiền vay ông P thừa nhận chữ ký và chữ viết trong *"Giấy nhận tiền"* ngày 08/6/2018 do ông P ghi và ký tên xác nhận. Đây là những tình tiết, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với lời khai, nội dung file ghi âm và bản dịch file ghi âm xác nhận nợ giữa ông P và ông M vào khoảng tháng 12 năm 2018 mà ông P cung cấp cho Tòa án không thể hiện nội dung gì về số tiền ông P vay của ông T mà chỉ là các khoản vay giữa ông P và ông M. Bị đơn ông P cũng không chứng minh được mình đã thanh toán số tiền trên cho ông T nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Hoàng P có nghĩa vụ trả cho ông Mai Văn T số tiền gốc là 100.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc tính lãi và phía bị đơn đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về sửa bản án dân sự sơ thẩm số 34/2026/DS-ST ngày 19/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11- Đồng Nai.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí; Bị đơn ông Nguyễn Hoàng P phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho ông Mai Văn T là phù hợp. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi nên án phí sơ thẩm được tính toán như sau: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn ông Nguyễn Hoàng P không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Quan điểm và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng P; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 34/2026/DS-ST ngày 19/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11- Đồng Nai.

- Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T đối với ông Nguyễn Hoàng P về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" ;*

Buộc ông Nguyễn Hoàng P có trách nhiệm phải trả cho ông Mai Văn T số tiền gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Mai Văn T về việc buộc ông Nguyễn Hoàng P trả số tiền lãi là 79.472.000 đồng (*Bảy mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Hoàng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Ông Mai Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Mai Văn T số tiền tạm ứng án phí 4.600.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005783 ngày 29/10/2025 của Phòng thi hành án khu vực 11 thuộc Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0015430 ngày 22/6/2006 của Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND khu vực 11;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS khu vực 11;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu.

Trần Thanh Phong